

### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Điều chỉnh theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTB-ĐTĐH, ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

**Trình độ đào tạo:** Đại học  
**Ngành đào tạo:** Giáo dục Thể chất  
**Mã ngành:** 7140206  
**Loại hình đào tạo:** Chính quy  
**Số tín chỉ:** 135

#### 1. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân ngành Giáo dục Thể chất có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt. Nắm vững các tri thức cơ bản về các môn thể thao và phương pháp giảng dạy Giáo dục Thể chất ở các trường đại học, cao đẳng, các trường dạy nghề, trường trung học phổ thông, trung học cơ sở và tiểu học. Làm công tác phong trào thể dục thể thao ở các sở, ngành.

Có khả năng giảng dạy tốt các kiến thức Giáo dục Thể chất cho học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, trung học phổ thông, trung học cơ sở và tiểu học, đáp ứng mọi chương trình của các bậc học, phù hợp với nội dung đổi mới phương pháp dạy và học ở các trường hiện nay.

Xây dựng chương trình nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi tốt nghiệp người học phải đạt được những yêu cầu cụ thể như sau:

Có phẩm chất cơ bản của người giáo viên nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam: thấm nhuần thế giới quan Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người giáo viên.

Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực được đào tạo. Nắm vững lý thuyết, giỏi thực hành, vận dụng tốt vào thực tiễn.

Có khả năng giảng dạy tốt kiến thức Giáo dục Thể chất cho học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, trung học phổ thông, trung học cơ sở và tiểu học, đáp ứng mọi chương trình của các bậc học, phù hợp với nội dung đổi mới phương pháp dạy và học ở các trường hiện nay. Huấn luyện thể thao, làm tốt công tác phong trào thể dục thể thao ở các sở, ngành.

#### 2. Chuẩn đầu ra

##### 2.1. Về kiến thức

Chương trình hướng tới trang bị những kiến thức cơ bản, nền tảng chung về lý luận, phương pháp luận, nhân sinh quan, thế giới quan.

Có hiểu biết cơ bản về nguyên lý chủ nghĩa Mác-Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; có các kiến thức cần thiết trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học quản lý hành chính, quản lý giáo dục, quốc phòng an ninh;

Có kiến thức khoa học cơ bản, nền tảng: Toán học thống kê, Sinh lý, Giải phẫu... đáp ứng được tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp;

Có kiến thức đầy đủ và chuyên sâu về lý thuyết, thực hành các môn thể thao trong lĩnh vực GDTC;

Nắm vững kiến thức nghiệp vụ sư phạm, bao gồm: Tâm lý học, Giáo dục học, Lý luận và phương pháp dạy học các môn thể thao để thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh;

Nắm được kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành được đào tạo, đây là kiến thức cốt lõi để vận dụng vào thực tiễn cụ thể như sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất phải nắm được công tác tổ chức thi đấu, phương pháp trọng tài, phương pháp giảng dạy, các kiến thức cơ bản về huấn luyện các môn thể thao, phương pháp truyền tải dẫn dắt kiến thức chuyên môn, trình bày ý kiến liên quan đến chuyên môn. Có khả năng tham gia thi đấu, huấn luyện, tổ chức trọng tài các giải thể thao ở cơ sở;

Biết thiết kế, tổ chức tốt các hoạt động ngoại khóa như: câu lạc bộ Thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng các cấp ... Biết xây dựng kế hoạch và soạn thảo được hệ thống bài tập huấn luyện tham gia thi đấu các giải Thể dục thể thao;

Có kiến thức về nghiên cứu khoa học, nhất là phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực GDTC và huấn luyện thể thao;

Nắm vững chương trình GDTC trong trường phổ thông, đặc biệt nắm vững nội dung, chương trình GDTC trong trường Trung học phổ thông.

## **2.2. Về kỹ năng**

Trang bị các kỹ năng nghề nghiệp, trên cơ sở đảm bảo và phát huy các kỹ năng cơ bản sau:

Có các kỹ năng sư phạm dạy học nội dung GDTC, có khả năng lập kế hoạch dạy học và tổ chức hoạt động dạy học nội dung GDTC ở trường phổ thông; kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin truyền thông, các phần mềm dạy học, sử dụng được các phương tiện kỹ thuật thực hành phục vụ công tác nghiên cứu và giảng dạy nội dung GDTC;

Có kỹ năng về ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường liên quan đến công việc chuyên môn;

Có kỹ năng vận dụng linh hoạt những kiến thức được đào tạo vào thực tiễn nghề nghiệp; năng lực tham gia phát triển chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng đổi mới công tác giáo dục và tìm tòi các tri thức địa phương vào nội dung, chương trình giáo dục;

Có kỹ năng giao tiếp: biết duy trì sự hứng thú, sự tập trung chú ý của đối tượng giao tiếp. Làm chủ và điều chỉnh các diễn biến tâm lý của mình cho phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

Có kỹ năng nghiên cứu khoa học, cải tiến, sáng kiến kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo, biết phân tích và giải quyết các vấn đề trong ngành TĐTT, biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tự duy sáng tạo;

Kỹ năng lập luận, phát hiện và giải quyết vấn đề trong thực tiễn công việc.

Kỹ năng cập nhật kiến thức, phân tích, so sánh, tổng hợp đánh giá thông tin, nghiên cứu phát triển và bổ sung kiến thức;

Kỹ năng lập luận, tư duy, tự chủ, sáng tạo và kỹ năng giao tiếp... khả năng sử dụng tốt các phương pháp dạy học các môn thể thao cho học sinh các cấp; rèn luyện cho sinh viên khả năng thực hành chính xác kỹ thuật động tác các môn thể thao trong công tác giảng dạy.

Có kỹ năng huấn luyện, chỉ đạo, tổ chức điều hành các giải đấu thể thao ở trường học và các giải thể thao do sở, ngành tổ chức.

Có các khả năng hoạt động tập thể Đoàn, Hội, tổ chức các hoạt động phong trào trong trường học;

## **2.3. Về phẩm chất đạo đức**

Có phẩm chất đạo đức của người giáo viên nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam: thấm nhuần thế giới quan Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người giáo viên.

Phẩm chất cơ bản của người giáo viên: có ý thức, niềm tin, say mê nghề nghiệp, tận tụy với công việc, luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao. Cải tiến nội dung phương pháp dạy học và giáo dục, luôn học hỏi tự rèn luyện để hoàn thiện mình.

Có tinh thần trách nhiệm, tôn trọng sự công bằng, thẳng thắn, giản dị khiêm tốn. Có định hướng thái độ, hành vi ứng xử trước các vấn đề về thế giới tự nhiên, thực tiễn xã hội nghề nghiệp: Có tình yêu, hứng thú đối với nghề nghiệp, nội dung giảng dạy. Đổi mới sáng tạo trong dạy học, say mê cần cù, nghiêm túc, sáng tạo trong lao động sư phạm.

Tôn trọng người học, đáp ứng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp và xây dựng môi trường làm việc thân thiện, tích cực, có ý thức tự tôn nghề nghiệp, tác phong sư phạm;

Coi trọng vị trí, vai trò của GDTC trong hệ thống giáo dục phổ thông; thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn và đổi mới phương pháp dạy học nội dung GDTC;

## **2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Trang bị năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá

trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.

Có năng lực sư phạm: năng lực chế biến tài liệu học tập, năng lực dạy học, ngôn ngữ, giao tiếp sư phạm, tổ chức các hoạt động sư phạm.

Có năng lực tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc; năng lực học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

Năng lực thực hành thể thao: Giáo viên TDTT trong trường phổ thông phải có khả năng thi phạm tốt kỹ thuật các môn thể thao trong quá trình giảng dạy đồng thời phát hiện và sửa sai kỹ thuật động tác của người học khi tổ chức tập luyện;

Năng lực phòng chống chấn thương trong tập luyện: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phòng tránh chấn thương cho người học và có khả năng sơ cứu chấn thương tạm thời tại chỗ khi xảy ra chấn thương. Thường xuyên kiểm tra sân bãi, dụng cụ và phương tiện giảng dạy để phòng ngừa chấn thương xảy ra trong tổ chức tập luyện;

**3. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 135 tín chỉ (*không tính phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng*).

Khối kiến thức chung:	27 tín chỉ
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	108 tín chỉ
Trong đó:	
Kiến thức cơ sở ngành:	11 tín chỉ
Kiến thức chuyên ngành:	79 tín chỉ
Nghiệp vụ sư phạm và thực tập nghề nghiệp:	11 tín chỉ
Khóa luận hoặc các học phần tương đương:	07 tín chỉ

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Theo quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT về tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy

#### 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Quy trình đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành.

**6. Thang điểm:** Thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

#### 7. Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại tiết tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lên lớp		TS tiết (x hệ số)	Tự học	
				LT	TH			
<b>7.1. Khối kiến thức chung</b>			<b>27</b>	<i>Không kể GDTC và GDQP</i>				
<b>Bắt buộc</b>			<b>25</b>					
1	LNL0001	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lê nin	5	65	10	85	150	
2	LTU0001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	25	5	35	60	
3	LDL0001	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	40	5	50	90	
4	LPL0001	Pháp luật đại cương	2	25	5	35	60	

5	NTA0001	Tiếng Anh 1	5	75		75	150	
6	NTA0002	Tiếng Anh 2	5	75		75	150	
7	TTH0002	Tin học cơ sở	3	30	15	60	90	
8	GDQ0001	Giáo dục quốc phòng						
<b>Tự chọn 1</b>			<b>2</b>	SV chọn học 1 trong các học phần sau				
9	VVN0002	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	25	5	35	60	
	SVH0001	Văn hóa Tây Bắc	2	27	3	33	60	
	VTV0008	Tiếng Việt thực hành	2	25	5	35	60	
	TTH0003	Tin học nâng cao	2	20	10	40	60	TTH0002
<b>7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>108</b>					
<b>7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>11</b>					
<b>Bắt buộc</b>			<b>9</b>					
10	TLG0001	Tâm lý học	3	37	8	53	90	
11	TLG0002	Giáo dục học	4	55	5	65	120	TLG0001
12	QLN0001	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	2	28	2	32	60	
<b>Tự chọn 2</b>			<b>2</b>	SV chọn học 1 trong các học phần sau				
13	TLG0003	Giao tiếp sư phạm	2					
	KHH0001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	24	6	36	60	
<b>7.2.2. Kiến thức chuyên ngành</b>			<b>79</b>					
<b>7.2.2.1. Khối kiến thức chung của ngành</b>								
<b>Bắt buộc</b>								
14	GDK0008	Thế dục cơ bản – Thế dục nhịp điệu – Thế dục đồng diễn	3	6	39	84	90	
15	GPP0001	Giải phẫu	2	4	26	56	60	
16	GPP0015	Sinh lý học Thể dục Thể thao	2	4	26	56	60	
17	GPP0018	Vệ sinh - Y học Thể dục Thể thao	3	40	5	50	90	
18	GPP0017	Thể thao trường học	2	20	10	30	60	
19	GPP0004	Lý luận và phương pháp Giáo dục Thể chất 1	3	30	15	60	90	
20	GPP0005	Lý luận và phương pháp Giáo dục Thể chất 2	3	25	20	65	90	
21	GPP0002	Lịch sử Thể dục Thể thao	2	30			60	
22	GPP0011	Phương pháp Nghiên cứu khoa học Thể dục Thể thao	2	30			60	
23	GPP0016	Tâm lý học Thể dục Thể thao	2	20	10	40	60	
24	GPP0014	Sinh cơ Thể dục Thể thao	2	20	10	40	60	

25	GPP0013	Phương pháp thống kê - Đo lường TĐTT	3	30	15	60	90	
<b>Tự chọn 3</b>			<b>5</b>					
26	GDK0011	Điền kinh 3	5	10	65	140	150	
	GDK0014	Chạy 100m	3	6	39	84	90	
	GDK0015	Nhảy xa	2	4	26	56	60	
	GDK0012	Nhảy cao	2	4	26	56	56	
	GDK0013	Đẩy tạ	3	6	39	84	84	
<b>7.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành</b>								
<b>Bắt buộc</b>								
27	GBG0024	Trò chơi vận động	2	4	26	56	60	
28	GDK0003	Điền kinh 1	3	6	39	84	90	
29	GDK0004	Điền kinh 2	3	6	39	84	90	
30	GDK0009	Thế dục dụng cụ	3	6	39	84	90	
31	GBG0005	Bóng chuyền 1	3	6	39	84	90	
32	GBG0006	Bóng chuyền 2	2	4	26	56	60	
33	GBG0009	Bóng đá 1	3	6	39	84	90	
34	GBG0010	Bóng đá 2	2	4	26	56	60	
35	GBG0020	Đá cầu – Cầu mây	2	4	26	56	60	
36	GBG0013	Bóng ném	2	4	26	56	60	
37	GBG0015	Bóng rổ	2	4	26	56	60	
38	GDK0001	Bơi	3	6	39	84	90	
39	GBG0027	Võ	2	4	26	56	60	
40	GBG0022	Quần vợt	2	4	26	56	60	
41	GBG0019	Cờ vua	2	10	20	50	60	
42	GBG0001	Bóng bàn	2	4	26	56	60	
43	GBG0016	Cầu lông	2	4	26	56	60	
<b>Tự chọn 4</b>			<b>5</b>	SV chọn học 2 trong các học phần sau				
44	GBG0011	Bóng đá nâng cao	3	6	39	84	90	
	GBG0018	Cầu lông nâng cao	3	6	39	84	90	
	GBG0025	Trò chơi vận động nâng cao	3	6	39	84	90	
	GBG0014	Bóng ném nâng cao	2	4	26	56	60	
	GBG0007	Bóng chuyền 3	2	4	26	56	60	
	GBG0002	Bóng bàn nâng cao	2	4	26	56	60	
	GBG0021	Đá cầu – Cầu mây nâng cao	2	4	26	56	60	

	GBG0023	Quần vợt nâng cao	2	4	26	56	60	
<b>7.2.3. NVSP và thực tập nghề nghiệp</b>			<b>11</b>					
45	GNV0001	Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên 1	2	10	20	50	60	
46	GNV0002	Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên 2	2	10	20	50	60	
47	NVS0005	Thực tập sư phạm 1	2					
48	NVS0006	Thực tập sư phạm 2	5					
<b>7.2.4. Khóa luận hoặc tương đương</b>			<b>7</b>					
49	KLT0001	Khóa luận	7					
<b>Tự chọn 5</b>			7	SV không làm khoá luận chọn học 7 tín chỉ trong các học phần sau				
49	GPP0010	Lý luận và phương pháp Giáo dục Thể chất 3	4	30	60		120	
	GDK0007	Điền kinh 4	3	6	39	84	90	
	NTA0003	Tiếng Anh 3	5	75		75	150	NTA0002
	GBG0028	Bóng đá 3	2	4	26	56	60	

## 8. Dự kiến kế hoạch đào tạo

### 8.1. Dự kiến kế hoạch đào tạo (4 năm)

Học kỳ	Tên học phần	Số đvtc	Số tiết chuẩn
<b>I</b>	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lê nin	5	75
	Tiếng Anh 1	5	75
	Tâm lý học	3	45
	Pháp luật đại cương	2	30
	Điền kinh 1	3	45
	Thẻ dục cơ bản – Thẻ dục nhịp điệu – Thẻ dục đồng diễn	3	45
	Giáo dục quốc phòng		165
<b>SỐ ĐVTC</b>		<b>21</b>	
<b>II</b>	Tiếng Anh 2	5	75
	Giáo dục học	4	60
	Tin học cơ sở	3	45
	Tự chọn 1	2	30
	Thẻ dục dụng cụ	3	45
	Điền kinh 2	3	45
<b>SỐ ĐVTC</b>		<b>20</b>	
<b>III</b>	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30
	Bóng chuyền 1	3	45
	Phương pháp thống kê - Đo lường Thể dục Thể thao	3	45

	Bóng đá 1	3	45
	Vệ sinh & Y học Thể dục Thể thao	3	45
	Giải phẫu	2	30
	Sinh lý học Thể dục Thể thao	2	30
	Tự chọn 2	2	30
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>20</b>	
IV	Đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45
	Tự chọn 3	5	75
	Bóng chuyền 2	2	30
	Phương pháp nghiên cứu khoa học Thể dục Thể thao	2	30
	Bóng đá 2	2	30
	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất 1	3	45
	Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên 1	2	30
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>19</b>	
V	Bóng bàn	2	30
	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất 2	3	45
	Cầu lông	2	30
	Bóng ném	2	30
	Bóng rổ	2	30
	Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên 2	2	30
	Tâm lý học Thể dục Thể thao	2	30
	Tự chọn 4	5	75
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>20</b>	
VI	Sinh cơ học Thể dục Thể thao	2	30
	Bơi	3	45
	Quần vợt	2	30
	Võ	2	30
	Cờ vua	2	30
	Thực tập sư phạm 1	2	30
	Đá cầu – Cầu mây	2	30
	Trò chơi vận động	2	30
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>17</b>	
VII	Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành GD&ĐT	2	30
	Thể thao trường học	2	30

	Lịch sử Thể dục Thể thao	2	30
	Khóa luận hoặc Tự chọn 5	7	105
	<b>SỐ ĐVTC</b>	<b>13</b>	
<b>VIII</b>	Thực tập sư phạm 2	5	75
	<b>SỐ ĐVTC</b>	<b>5</b>	

### 8.2. Dự kiến kế hoạch đào tạo (3 năm)

Học kỳ	Tên học phần	Số đvtc	Số tiết chuẩn
<b>I</b>	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lê nin	5	75
	Tiếng Anh 1	5	75
	Tâm lý học	3	45
	Pháp luật đại cương	2	30
	Điện kinh 1	3	45
	Thể dục cơ bản – Thể dục nhịp điệu – Thể dục đồng diễn	3	45
	Giáo dục quốc phòng		165
	<b>SỐ ĐVTC</b>	<b>21</b>	
<b>II</b>	Tiếng Anh 2	5	75
	Giáo dục học	4	60
	Tin học cơ sở	3	45
	Tự chọn 1	2	30
	Thể dục dụng cụ	3	45
	Sinh lý	2	45
	Điện kinh 2	3	45
	<b>SỐ ĐVTC</b>	<b>22</b>	
<b>HK phụ</b>	Vệ sinh & Y học Thể dục Thể thao	3	45
	Bóng chuyền 1	3	45
	Giải phẫu học Thể dục Thể thao	2	30
	<b>SỐ ĐVTC</b>	<b>8</b>	
<b>III</b>	Tâm lý học Thể dục Thể thao	2	30
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30
	Phương pháp thống kê - Đo lường Thể dục Thể thao	3	45
	Bóng chuyền 2	2	30
	Trò chơi vận động	2	30
	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất 1	3	45
	Phương pháp nghiên cứu khoa học Thể dục Thể thao	2	30
	Bóng đá 1	3	30
	Tự chọn 2	2	30
	<b>SỐ ĐVTC</b>	<b>21</b>	



<b>HK phụ</b>	Sinh cơ học Thể dục Thể thao	2	30
	Bóng đá 2	2	30
	Bóng rổ	2	30
	Đá cầu – Cầu mây	2	30
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>8</b>	
<b>IV</b>	Đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45
	Bóng bàn	2	30
	Cầu lông	2	30
	Thực tập sư phạm 1	2	30
	Bóng ném	2	30
	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất 2	3	45
	Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên 1	2	30
	Tự chọn 3	5	75
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>21</b>	
<b>V</b>	Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành GD&ĐT	2	30
	Thể thao trường học	2	30
	Lịch sử Thể dục Thể thao	2	30
	Quần vợt	2	30
	Võ	2	30
	Cờ vua	2	30
	Tự chọn 4	5	75
	Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên 2	2	30
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>19</b>	
<b>VI</b>	Thực tập sư phạm 2	5	75
	Bơi	3	45
	Khóa luận (hoặc Tự chọn 5)	7	105
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>15</b>	

### 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Quá trình thực hiện chương trình căn cứ vào quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, đồng thời căn cứ vào những quy định hiện hành của Trường Đại học Tây Bắc và Bộ Giáo dục và Đào tạo để thực hiện chương trình.

Đối với chương trình chi tiết của từng học phần, quá trình thực hiện có thể được đổi mới theo hướng đem lại hiệu quả cao trong đào tạo. Sự thay đổi này phải được thông qua Bộ môn, Khoa và được Ban Giám hiệu phê duyệt.

**TRƯỞNG KHOA**

(Đã ký)

**ThS. Trần Văn Hạnh**

**HIỆU TRƯỞNG**

(Ký tên, đóng dấu)

(Đã ký)

**TS. Đinh Thanh Tâm**